

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN
Ngày Thi: 13/7/2025

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
1	BKCB7077	Nguyễn Xuân Tuấn	An	15/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7.33	9.33	Đạt	
2	BKCB7078	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	16/01/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	7.67	8.5	Đạt	
3	BKCB7079	Phan Thế	Anh	26/07/1997	Đồng Nai	10.0	9.83	Đạt	
4	BKCB7080	Nguyễn Thái	Bảo	10/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	1.17	Không đạt	
5	BKCB7081	Đoàn Thị	Cao	07/01/2001	Vĩnh Long	9.67	6.83	Đạt	
6	BKCB7082	Huỳnh Ngọc Bảo	Châu	20/07/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	8.17	Đạt	
7	BKCB7083	Võ Thị Diễm	Châu	09/11/2003	Long An	6.0	9.0	Đạt	
8	BKCB7084	Lưu Bảo	Châu	29/09/2006	Đồng tháp	4.33	6.33	Không đạt	
9	BKCB7085	Huỳnh Lan	Chi	21/06/1999	Đồng Nai	9.67	9.67	Đạt	
10	BKCB7086	Đoàn Thị	Chiến	12/12/2003	Phú Yên	6.33	9.67	Đạt	
11	BKCB7087	Đồng Tấn	Chương	16/09/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	9.33	Đạt	
12	BKCB7088	Nguyễn Tiến	Cường	11/02/2006	Thành Phố Hồ Chí Minh	5.33	2.0	Không đạt	
13	BKCB7089	Đỗ Trọng	Đạt	30/08/1998	Đắk Lắk	7.33	7.67	Đạt	
14	BKCB7090	Trần Quốc	Đạt	08/09/2006	Kiên Giang	8.33	7.5	Đạt	
15	BKCB7091	Võ Phạm Phi	Điền	30/01/1999	Tiền Giang	8.67	8.67	Đạt	
16	BKCB7092	Huỳnh Thị Ngọc	Diệp	11/11/1973	Long An	8.33	8.33	Đạt	
17	BKCB7093	Nguyễn Tiến	Diệu	10/11/1999	Hung Yên	8.0	9.67	Đạt	
18	BKCB7094	Nguyễn Phước	Dinh	09/07/2003	Đồng Tháp	8.67	9.0	Đạt	
19	BKCB7095	Nguyễn Văn Ngọc	Dur	02/08/1998	Bến Tre	9.33	8.83	Đạt	
20	BKCB7096	Nguyễn Văn Hoàng	Dương	30/08/1999	Quảng Ngãi	6.33	7.33	Đạt	
21	BKCB7097	Tô Thị Nguyên	Dương	07/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	8.5	Đạt	
22	BKCB7098	Nguyễn Nhật	Duy	13/06/2001	Long An	8.67	8.5	Đạt	
23	BKCB7099	Nguyễn Thúy	Duy	24/04/2002	Đồng Tháp	8.0	7.83	Đạt	
24	BKCB7100	Phạm	Duy	26/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	5.0	Đạt	
25	BKCB7101	Nguyễn Khánh	Duy	21/08/2003	Vĩnh Long	9.0	7.33	Đạt	
26	BKCB7102	Trần Thị Mỹ	Duyên	16/09/2004	Cần Thơ	8.33	6.33	Đạt	
27	BKCB7103	Nguyễn Thị Hương	Giang	23/02/2005	Đắk Lắk	7.67	6.33	Đạt	
28	BKCB7104	Phạm Thị Thu	Hà	20/07/1994	Đồng Nai	10.0	8.17	Đạt	
29	BKCB7105	Lê Nguyễn Ngọc	Hân	30/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6.67	6.33	Đạt	
30	BKCB7106	Lê Thị Ngọc	Hân	18/11/2001	Lâm Đồng	8.33	6.0	Đạt	
31	BKCB7107	Phạm Thị Thúy	Hằng	11/04/2004	Ninh Thuận	9.33	9.17	Đạt	
32	BKCB7108	Đinh Thị Thu	Hoa	14/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	7.17	Đạt	
33	BKCB7109	Mai Huệ	Hoa	13/10/2001	Bến Tre	7.33	7.33	Đạt	
34	BKCB7110	Nguyễn Ngọc Cẩm	Hồng	05/12/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	9.5	Đạt	
35	BKCB7111	Phạm Thu	Hồng	06/11/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu	9.67	8.17	Đạt	
36	BKCB7112	Trần Đức	Hưng	17/06/2014	Thành phố Hồ Chí Minh	4.0	4.17	Không đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
37	BKCB7113	Nguyễn Phạm	Hùng	21/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	6.67	7.17	Đạt	
38	BKCB7114	Lê Nguyễn Minh	Hương	13/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.0	Đạt	
39	BKCB7115	Nguyễn Kim Ngọc Cúc	Hương	01/09/2003	Đồng Nai	10.0	5.17	Đạt	
40	BKCB7116	Nguyễn Lâm Quỳnh	Hương	17/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	7.83	Đạt	
41	BKCB7117	Nguyễn Thị Thùy	Hương	10/06/1989	Long An	9.67	7.67	Đạt	
42	BKCB7118	Trần Lan	Hương	14/10/2004	Phú Yên	9.0	9.17	Đạt	
43	BKCB7119	Hứa Thị	Hương	01/01/1985	Trà Vinh	9.0	8.0	Đạt	
44	BKCB7120	Nguyễn Quang	Huy	12/01/2006	Nha Trang	9.0	8.67	Đạt	
45	BKCB7121	Nguyễn Quốc	Huy	18/12/2005	Bình Thuận	6.0	6.17	Đạt	
46	BKCB7122	Nguyễn Quốc Triều	Huy	04/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	7.33	6.0	Đạt	
47	BKCB7123	Đỗ Văn	Huynh	10/08/1991	Bình Định	8.0	8.0	Đạt	
48	BKCB7124	Nguyễn Quốc	Khang	06/05/2003	Khánh Hòa				Vắng
49	BKCB7125	Trần Hoàng	Khang	21/11/2002	Cà Mau	5.33	6.83	Đạt	
50	BKCB7126	Phuong Quốc	Khanh	27/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	8.5	Đạt	
51	BKCB7127	Bùi Duy	Khiêm	08/06/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	8.17	Đạt	
52	BKCB7128	Nguyễn Đăng	Khoa	02/10/2003	Bình Phước	9.33	6.5	Đạt	
53	BKCB7129	Trần Tấn Đăng	Khoa	05/11/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	7.33	8.0	Đạt	
54	BKCB7130	Nguyễn Anh	Khôi	24/11/2005	Vĩnh Long	6.33	7.83	Đạt	
55	BKCB7131	Phạm Nguyên	Khôi	20/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	6.33	Đạt	
56	BKCB7132	Hồ An	Khương	19/08/2006	Long An	10.0	8.83	Đạt	
57	BKCB7133	Phan Công	Kiên	21/01/1975	Quảng Nam	8.67	7.5	Đạt	
58	BKCB7134	Bùi Bích	Liên	24/05/2004	Đồng Nai	10.0	9.17	Đạt	
59	BKCB7135	Đỗ Ngọc Thùy	Linh	12/09/2004	Đắk Lắk	10.0	9.17	Đạt	
60	BKCB7136	Nguyễn Ngọc Trúc	Linh	22/05/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	6.67	Đạt	
61	BKCB7137	Trần Thị Mỹ	Linh	23/11/2004	Bà Rịa - Vũng Tàu	9.0	8.67	Đạt	
62	BKCB7138	Võ Tấn	Lộc	27/11/2005	Tiền Giang	8.33	9.0	Đạt	
63	BKCB7139	Lê Sanh Hoàng	Long	19/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	7.33	9.0	Đạt	
64	BKCB7140	Đỗ Thanh	Mai	09/11/2004	Nam Định	10.0	9.0	Đạt	
65	BKCB7141	Huỳnh Thanh	Mai	01/12/2005	Long An	10.0	9.33	Đạt	
66	BKCB7142	Trịnh Ngọc Xuân	Mai	13/11/1998	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
67	BKCB7143	Lê Quang	Minh	13/11/2014	Thành Phố Hồ Chí Minh	2.33	0.0	Không đạt	
68	BKCB7144	Nguyễn Tâm	Minh	10/11/2001	Bến Tre	9.33	9.0	Đạt	
69	BKCB7145	Nguyễn Thị Thanh	My	05/06/2002	Đồng Tháp	9.67	6.5	Đạt	
70	BKCB7146	Nguyễn Thị Hồng	Nga	22/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	8.67	Đạt	
71	BKCB7147	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	29/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	8.83	Đạt	
72	BKCB7148	Trần Nguyễn Bảo	Ngân	18/02/2002	Long An	8.67	7.67	Đạt	
73	BKCB7149	Nguyễn Đào Kim	Ngân	11/02/2001	Tây Ninh	9.67	8.83	Đạt	
74	BKCB7150	Dương Hồ Bảo	Nghi	10/10/2006	Tiền Giang	9.33	8.83	Đạt	
75	BKCB7151	Đặng Hồng	Ngọc	22/07/2005	Phú Yên	9.67	9.0	Đạt	
76	BKCB7152	Đặng Lê Khánh	Ngọc	28/08/2006	Đồng Nai	9.33	8.67	Đạt	
77	BKCB7153	Đinh Trần Thuý	Ngọc	15/02/1999	Bình Thuận	9.0	6.83	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
78	BKCB7154	Nguyễn Trần Bảo	Ngọc	10/04/2004	Bình Định	9.67	8.0	Đạt	
79	BKCB7155	Đặng Hoàng	Nguyên	02/01/2006	Nghệ An	9.67	6.17	Đạt	
80	BKCB7156	Đỗ Ngọc Trinh	Nguyên	11/03/2000	Bình Phước	9.0	8.67	Đạt	
81	BKCB7157	Nguyễn Huỳnh Bảo	Nguyên	26/10/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	9.33	Đạt	
82	BKCB7158	Nguyễn Thê	Nguyên	04/11/1996	Vĩnh Long	8.67	9.17	Đạt	
83	BKCB7159	Lê Thiện	Nhân	08/08/2003	Khánh Hòa	9.67	8.83	Đạt	
84	BKCB7160	Lê Thiện	Nhân	11/02/2006	Kiên Giang	6.67	7.5	Đạt	
85	BKCB7161	Trần Thiện	Nhân	16/12/2006	Đồng Nai				Vắng
86	BKCB7162	Phạm Huỳnh Minh	Nhật	14/06/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	9.33	Đạt	
87	BKCB7163	Võ Lê Hồng	Nhật	05/02/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	9.17	Đạt	
88	BKCB7164	Hồ Nguyên Thảo	Nhi	01/01/1997	Khánh Hòa	8.33	9.17	Đạt	
89	BKCB7165	Trần Thị Yến	Nhi	24/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	6.0	Đạt	
90	BKCB7166	Nguyễn Dương Ái	Như	27/03/2001	Trà Vinh	7.0	7.33	Đạt	
91	BKCB7167	Nguyễn Ngọc Khánh	Như	08/06/2003	Bình Thuận	9.0	7.5	Đạt	
92	BKCB7168	Nguyễn Nữ Quỳnh	Như	26/11/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	8.83	Đạt	
93	BKCB7169	Nguyễn Quỳnh	Như	25/08/2006	Tiền Giang	9.0	6.0	Đạt	
94	BKCB7170	Lê Thị Hà	Ni	08/12/2006	Long An	10.0	8.17	Đạt	
95	BKCB7171	Nguyễn Văn	Pháp	08/08/1996	Khánh Hòa	9.67	9.33	Đạt	
96	BKCB7172	Trần Ngọc Nam	Phong	09/12/2003	Bình Phước				Vắng
97	BKCB7173	Nguyễn Thị Minh	Phú	31/10/2003	Bình Định	8.0	7.33	Đạt	
98	BKCB7174	Phạm Ngọc	Phú	18/01/2006	Gia Lai	7.67	8.33	Đạt	
99	BKCB7175	Phạm Thiên	Phú	11/09/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	9.0	Đạt	
100	BKCB7176	Nguyễn Chu Bảo	Phúc	17/05/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	8.67	Đạt	
101	BKCB7177	Trần Bảo	Phúc	05/01/2003	Bến Tre	10.0	9.17	Đạt	
102	BKCB7178	Võ Hoàng	Phúc	26/03/1999	Đồng Nai	10.0	9.0	Đạt	
103	BKCB7179	Nguyễn Thê Tiểu	Phụng	10/06/2006	Thanh Hóa	8.33	8.5	Đạt	
104	BKCB7180	Đoàn Minh	Phương	03/10/2003	Bến Tre	9.67	9.0	Đạt	
105	BKCB7181	Huỳnh Ngọc Lam	Phương	21/09/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	8.83	Đạt	
106	BKCB7182	Trần Đan	Phương	16/12/2008	Đồng Nai	9.0	6.33	Đạt	
107	BKCB7183	Văn Nguyễn Hồng	Phương	10/11/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	8.33	Đạt	
108	BKCB7184	Nguyễn Thị Bích	Phượng	12/12/1992	Thanh Hóa	7.67	9.5	Đạt	
109	BKCB7185	Phạm Bình	Phương	16/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
110	BKCB7186	Trần Thị Thanh	Phương	12/11/1986	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	8.83	Đạt	
111	BKCB7187	Nguyễn Minh	Quân	29/08/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	7.83	Đạt	
112	BKCB7188	Phạm Long	Quang	09/09/2005	Kiên Giang	9.33	9.0	Đạt	
113	BKCB7189	Trần Minh	Quang	25/11/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	9.17	Đạt	
114	BKCB7190	Lục Thành	Quý	18/08/2008	Bắc Ninh	4.67	6.5	Không đạt	
115	BKCB7191	Phan Thị Mỹ	Quyên	14/07/2005	Trà Vinh	10.0	9.5	Đạt	
116	BKCB7192	Phạm Xuân	Quyên	02/05/2004	Bình Phước				Vắng
117	BKCB7193	Lê Ngọc Cẩm	Quỳnh	19/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	9.0	Đạt	
118	BKCB7194	Nguyễn Ngọc Kim	Quỳnh	01/01/2006	Đồng Nai	9.0	7.83	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
119	BKCB7195	Lê Thành	Tài	02/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7.33	7.67	Đạt	
120	BKCB7196	Nguyễn Tấn	Tài	02/08/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	6.33	6.0	Đạt	
121	BKCB7197	Lê Chiến	Thắng	01/05/1987	Hải Dương	7.33	6.0	Đạt	
122	BKCB7198	Vũ Minh	Thanh	30/08/1981	Thành phố Hồ Chí Minh	7.67	7.67	Đạt	
123	BKCB7199	Nguyễn Quang	Thành	23/03/2005	Thành Phố Hồ Chí Minh	8.0	7.83	Đạt	
124	BKCB7200	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	03/10/2004	Bình Định	9.0	8.33	Đạt	
125	BKCB7201	Nguyễn Lê Thị Trang	Thi	23/03/2000	Đồng Nai	7.67	7.5	Đạt	
126	BKCB7202	Nguyễn Minh	Thiên	28/11/2012	Thành phố Hồ Chí Minh	7.33	5.0	Đạt	
127	BKCB7203	Nông Thị Ngọc	Thịnh	15/11/2000	Gia Lai	8.33	9.0	Đạt	
128	BKCB7204	Huỳnh Thị Lệ	Thu	03/03/1985	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	8.67	Đạt	
129	BKCB7205	Phạm Kim	Thu	25/09/1988	Long An	8.67	8.67	Đạt	
130	BKCB7206	Hà Nguyên Anh	Thư	26/11/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	8.83	Đạt	
131	BKCB7207	Lê Anh	Thư	21/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	8.83	Đạt	
132	BKCB7208	Nguyễn Hoàng Minh	Thư	18/09/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	7.0	Đạt	
133	BKCB7209	Trương Công	Thuận	19/04/2002	Bình Định	9.0	8.83	Đạt	
134	BKCB7210	Mai Văn	Thuận	25/08/2003	Bình Thuận	8.67	9.33	Đạt	
135	BKCB7211	Trần Thị Thiên	Thương	17/08/2002	Cần Thơ	8.33	8.17	Đạt	
136	BKCB7212	Nguyễn Văn	Thượng	03/05/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	9.0	Đạt	
137	BKCB7213	Nguyễn Minh	Thuy	27/10/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	8.67	Đạt	
138	BKCB7214	Dương Thị Ngọc	Thúy	25/05/1996	Đồng Nai	9.67	7.83	Đạt	
139	BKCB7215	Hồ Thị Hà	Tiên	09/03/2004	Bình Thuận	9.0	5.0	Đạt	
140	BKCB7216	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	26/05/2004	An Giang				Vắng
141	BKCB7217	Trần Khánh	Tiên	29/09/2001	Tây Ninh	9.67	9.5	Đạt	
142	BKCB7218	Nguyễn Hữu Hoài	Tín	01/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	6.33	Đạt	
143	BKCB7219	Võ Ngọc Diệu	Tịnh	02/11/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	9.17	Đạt	
144	BKCB7220	Nguyễn Đức	Toàn	10/12/2006	Bình Định	8.33	5.83	Đạt	
145	BKCB7221	Nguyễn Na	Tra	13/01/1992	Gia Lai	8.67	8.67	Đạt	
146	BKCB7222	Nguyễn Thanh	Trà	06/01/1984	Long An	9.0	7.33	Đạt	
147	BKCB7223	Ngô Thị Tú	Trâm	20/11/2003	Tiền Giang	7.0	4.33	Không đạt	
148	BKCB7224	Trần Thị Bích	Trâm	14/04/2005	Tây Ninh	8.33	8.0	Đạt	
149	BKCB7225	Trần Thị Ngọc	Trâm	18/05/1997	Đồng Nai	9.33	9.17	Đạt	
150	BKCB7226	Trần Huyền	Trân	13/03/2005	Phú Yên	9.0	9.33	Đạt	
151	BKCB7227	Đỗ Thị Thu	Trang	23/05/2002	Thanh Hóa	8.67	9.0	Đạt	
152	BKCB7228	Lô Thu	Trang	09/07/2002	Thái Nguyên	10.0	8.67	Đạt	
153	BKCB7229	Mai Hoàng Phương	Trang	30/03/2009	Thành Phố Hồ Chí Minh	9.67	8.17	Đạt	
154	BKCB7230	Lê Hữu	Trí	25/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	7.5	Đạt	
155	BKCB7231	Nguyễn Anh	Trí	25/06/2004	Long An	7.67	7.17	Đạt	
156	BKCB7232	Trần Mạnh	Trí	20/11/2006	Gia Lai				Vắng
157	BKCB7233	Trịnh Thị Thu	Trinh	20/06/2000	Gia Lai	9.33	9.5	Đạt	
158	BKCB7234	Nguyễn Minh	Trực	10/08/2006	Khánh Hòa	7.0	9.17	Đạt	
159	BKCB7235	Bùi Quang	Trường	06/02/1999	An Giang	10.0	8.67	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
160	BKCB7236	Phan Lâm	Trường	14/09/2002	An Giang	8.33	8.5	Đạt	
161	BKCB7237	Nguyễn Phan Minh	Truyền	01/09/1997	Bình Thuận	10.0	9.17	Đạt	
162	BKCB7238	Phạm Thị Ngọc	Tú	22/03/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.83	Đạt	
163	BKCB7239	Hán Hoàng	Tuân	18/01/2006	Ninh Thuận	6.67	6.67	Đạt	
164	BKCB7240	Nguyễn Thanh	Tuấn	06/01/2004	Đồng Tháp	6.0	5.67	Đạt	
165	BKCB7241	Trần Thiện Thanh	Tuấn	30/07/1983	Long An	9.67	9.5	Đạt	
166	BKCB7242	Nguyễn Thị Thanh	Tuyết	18/11/1977	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	6.83	Đạt	
167	BKCB7243	Đặng Thị	Tuyết	08/10/1989	Hà Tĩnh	10.0	9.0	Đạt	
168	BKCB7244	Nguyễn Lê Phương	Uyên	22/10/2004	Thanh Hóa	9.0	8.17	Đạt	
169	BKCB7245	Nguyễn Thị Mai	Vân	17/04/2004	Hà Nam	9.0	8.33	Đạt	
170	BKCB7246	Ứng Mỹ	Vân	15/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	9.5	Đạt	
171	BKCB7247	Võ Thị Tuyết	Vân	18/09/2005	Bà Rịa - Vũng Tàu	9.33	9.67	Đạt	
172	BKCB7248	Lê Thị Tường	Vi	19/09/2005	An Giang	7.33	7.67	Đạt	
173	BKCB7249	Hồ Thị Ái	Viên	25/10/2005	Bình Định	9.67	9.33	Đạt	
174	BKCB7250	Trần	Vũ	04/09/2012	Đồng Nai	8.67	7.67	Đạt	
175	BKCB7251	Lâm Thanh	Vy	13/03/2005	Long An	9.67	9.67	Đạt	
176	BKCB7252	Lê Thị Tường	Vy	11/08/1999	Lâm Đồng	8.33	9.33	Đạt	
177	BKCB7253	Thái Thị Lan	Vy	20/02/1985	Kon Tum	7.33	9.5	Đạt	
178	BKCB7254	Trịnh Mai Tú	Vy	16/11/2003	Đồng Nai	9.33	9.33	Đạt	
179	BKCB7255	Võ Ái	Vy	08/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	9.5	Đạt	
180	BKCB7256	Huỳnh Như	Ý	03/08/2006	Bình Thuận	6.67	8.83	Đạt	
181	BKCB7257	Lâm Thị Như	Ý	31/07/2005	Đồng Tháp	7.33	8.83	Đạt	
182	BKCB7258	Nguyễn Thị Như	Ý	29/07/2003	Bến Tre	9.33	8.17	Đạt	
183	BKCB7259	Nguyễn Thị Như	Ý	07/05/2001	Bình Định	7.0	8.0	Đạt	
184	BKCB7260	Đình Hoàng	Yến	24/11/2004	Đồng Nai	9.0	7.83	Đạt	

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm)>=5 và Điểm thực hành >=5

Số lượng thí sinh:

184

Số lượng hiện diện:

176

Số thí sinh đạt:

169

Thư ký Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Chủ tịch Hội đồng

Thoại Nam